

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2189**/TCT-DNL
V/v chính sách thuế GTGT đối
với sản phẩm điện.

Hà Nội, ngày **04** tháng **6** năm **2015**

Kính gửi:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Cục Thuế Kon Tum.

Trả lời công văn số 1285/EVN-TCKT-TTĐ ngày 07/4/2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và công văn số 1994/CT-TTHT ngày 09/4/2015 của Cục Thuế tỉnh Kon Tum đề nghị hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với tiền dịch vụ môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và các loại thuế, phí khác. Về vấn đề này, sau khi báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Điều 5 Chương 1 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định:

"3. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thông qua Quỹ bảo vệ và phát triển rừng là tiền của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng ủy thác cho Quỹ để trả cho các chủ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

4. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là một yếu tố trong giá thành sản phẩm có sử dụng dịch vụ môi trường rừng và không thay thế thuế tài nguyên hoặc các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật."

Tại Điều 11 Mục 2 Chương 2 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định:

"1. Đối với các cơ sở sản xuất thủy điện

a) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện là 20 đồng/1kwh điện thương phẩm. Sản lượng điện để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng điện của các cơ sở sản xuất thủy điện bán cho bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện;

b) Xác định số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán (đ) bằng sản lượng điện trong kỳ hạn thanh toán (kwh) nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1kwh (20đ/kwh)."

Tại Điều 2 Chương I Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT quy định đối tượng chịu thuế như sau:

“Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.”

Tại Điều 4 Chương I Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên hướng dẫn về thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế GTGT không bao gồm sản phẩm điện.

Tại khoản 1 Điều 7 Chương II Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên quy định về giá tính thuế như sau:

“1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT.”

Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, vừa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ các quy định trên, phí môi trường rừng được cấu thành trong giá điện. Sản phẩm điện thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và thuế GTGT được tính trên giá điện bán ra chưa bao gồm thuế GTGT, không loại trừ khoản tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và các khoản thuế, phí khác cấu thành trong giá điện.

Tổng cục Thuế trả lời đề Cục Thuế và Tập đoàn Điện lực Việt Nam được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để b/c);
- Vụ CST, PC (BTC);
- Vụ CS, PC, KK&KTT (TCT);
- Lưu: VT, DNL (2b).⁴¹



09954120